

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 1823 /QNG-VP
V/v báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ
Quý I, xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng
tâm Quý II/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số:.....
Ngày: 25/3/2026
Chuyên:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện chỉ đạo tại Công văn số 2118/UBND-KTTH ngày 17/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý I, xây dựng nhiệm vụ trọng tâm Quý II/2026. Căn cứ theo Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh và chức năng, nhiệm vụ được giao của ngành Thuế, Thuế tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện công tác thu NSNN như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 toàn ngành thu 5.258,7 tỷ, đạt 23% dự toán TW, đạt 22,8% dự toán tỉnh, bằng 83,6% so cùng kỳ. Trong đó: NMLD Dung Quất thu 1.870,2 tỷ, đạt 26,7% dự toán TW, đạt 26,7% dự toán tỉnh, bằng 72,9% so cùng kỳ; Thu tiền SDD 220,3 tỷ, đạt 7,1% dự toán TW, đạt 6,6% dự toán tỉnh, bằng 130,5% so cùng kỳ; thu tiền thuê đất 4,5 tỷ, đạt 0,4% dự toán TW, đạt 0,4% dự toán tỉnh, bằng 49,5% so cùng kỳ; Trừ dầu, tiền SDD và tiền thuê đất, các khoản còn lại thu 3.163,6 tỷ, đạt 27,3% dự toán TW, đạt 27,3% dự toán tỉnh, bằng 89,2% so cùng kỳ. (Biểu số liệu kèm theo)

Nhìn chung, thu NSNN tỉnh Quảng Ngãi chưa đảm bảo yêu cầu tiến độ dự toán (hụt thu 504 tỷ so với yêu cầu tiến độ dự toán tỉnh giao), chủ yếu do hụt thu các khoản thu từ đất. Có 7/18 khoản thu, sắc thuế đảm bảo tiến độ dự toán, có thể kể đến một số khoản thu lớn như: DNNN Trung ương, DN có vốn ĐTNN, Thuế Ngoài quốc doanh, Thuế thu nhập cá nhân, Thuế bảo vệ môi trường, bên cạnh đó, vẫn có một số khoản thu chưa đảm bảo tiến độ dự toán đặc biệt là thu tiền SDD (hụt thu 611,7 tỷ) và tiền thuê đất (hụt thu 275,5 tỷ).

II. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về công tác quản lý thuế trong Quý II/2026

Để hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra, trong Quý II/2026, Thuế tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ và có hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Tài chính và Cục Thuế về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thu NSNN năm 2026 trong toàn ngành.

2. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 19/01/2026 về việc tăng cường các biện pháp thu NSNN năm 2026 và chi ngân sách địa phương. Nắm bắt, phân tích,

đánh giá, dự báo những tác động ảnh hưởng đến tình hình thu ngân sách đặc biệt là giá dầu thô thế giới, kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo UBND tỉnh triển khai các biện pháp, giải pháp điều hành, quản lý thu ngân sách.

3. Giao dự toán thu NSNN Quý II/2026 cho các đơn vị thuộc Thuế tỉnh đảm bảo sát đúng với khả năng thu thực tế của từng địa bàn xã, phường, đặc khu. Đồng thời chỉ đạo xây dựng kế hoạch thu NSNN Quý II và triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp huy động nguồn thu vào ngân sách; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời.

4. Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn để có biện pháp quản lý hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý đất đai... để đưa các đối tượng thuộc diện nộp thuế vào quản lý thuế. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc khai thuế, yêu cầu doanh nghiệp khai, nộp kịp thời, đầy đủ số thuế, phí phát sinh vào NSNN, hạn chế nợ đọng tiền thuế.

5. Phối hợp với các Sở, Ban ngành của tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân nắm rõ, hiểu và thực hiện đúng các chính sách thuế mới khi Nhà nước ban hành, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp và người dân được thụ hưởng các chính sách của Nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của hộ, cá nhân kinh doanh, qua đó mở rộng cơ sở thu và gia tăng nguồn thu bền vững cho ngân sách tỉnh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

6. Bám sát kế hoạch thu tiền sử dụng đất năm 2026 do UBND tỉnh đề ra. Theo dõi chặt chẽ và thường xuyên cập nhật tiến độ, các vướng mắc đang gặp phải của từng dự án cụ thể, đặc biệt là các dự án khu đô thị, khu dân cư do Tỉnh làm chủ đầu tư. Rà soát, xác định các nguồn thu còn dư địa, có khả năng tăng trưởng nhất là các lĩnh vực, sắc thuế còn thất thu. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác chống thất thu trong một số lĩnh vực, chuyên đề như: tài nguyên khoáng sản, kinh doanh bất động sản, thương mại điện tử, dăm gỗ, chuyển giá, giao dịch liên kết,... trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thuế với cơ quan tài nguyên và các đơn vị liên quan để đối chiếu, nắm bắt chính xác sản lượng khai thác tài nguyên, khoáng sản, qua đó kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc hợp pháp của tài nguyên. Tập trung tối ưu nguồn lực triển khai hiệu quả kế hoạch kiểm tra thuế năm 2026, chủ động rà soát, đánh giá các lĩnh vực, doanh nghiệp có rủi ro cao để thực hiện các chuyên đề kiểm tra chống thất thu, tăng cường kiểm tra sau hoàn thuế; tăng cường rà soát, phòng ngừa và kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi gian lận về hoá đơn.

8. Triển khai thực hiện các giải pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; Phân tích, đánh giá nguyên nhân nợ thuế đối với từng nhóm người nộp thuế để xây dựng kế hoạch đôn đốc, thu hồi nợ thuế phù hợp; đối với các trường hợp chây ỳ,

kéo dài trên địa bàn, thực hiện áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế và công khai thông tin nợ thuế theo đúng quy định.

Thuế tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh biết, chỉ đạo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, VP(ldason).

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Lê Tiến Đông



ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026
Phân theo khoản thu, sắc thuế

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện Quý I/2025	DỰ TOÁN 2026		Thu NSNN tháng 3/2026	Thực hiện Quý I/2026	%TH năm 2026 so		
			Trung ương giao	UBND Tỉnh giao			DT trung ương	DT Tỉnh	TH cùng kỳ
	TỔNG THU	6.290.081	22.824.000	23.052.000	1.521.845	5.258.764	23,0	22,8	83,6
	- NMLD Dung Quất	2.564.789	7.000.000	7.000.000	611.000	1.870.261	26,7	26,7	72,9
	- Các khoản thu còn lại	3.725.292	15.824.000	16.052.000	910.845	3.388.503	21,4	21,1	91,0
	- Còn lại trừ đầu, tiền SDD và tiền thuê đất	3.547.277	11.604.000	11.604.000	828.064	3.163.621	27,3	27,3	89,2
1	DNNN Trung ương	2.805.985	8.160.000	8.160.000	721.893	2.236.188	27,4	27,4	79,7
a	Thu từ NMLD	2.564.789	7.000.000	7.000.000	611.000	1.870.261	26,7	26,7	72,9
	- Thuế TNDN	5.769	130.000	130.000	30.000	312.600	240,5	240,5	5418,9
	- Thuế GTGT	1.190.092	1.970.000	1.970.000	112.000	170.822	8,7	8,7	14,4
	- Thuế TTĐB	1.368.928	4.900.000	4.900.000	469.000	1.386.839	28,3	28,3	101,3
	Tỷ trọng Bạch Hổ (%)	30,7	31,0	31,0	38,1	29,8	96,1	96,1	97,0
	Giá dầu thô bán (USD/thùng)	81,9	70,0	70,0	76,3	71,6	102,3	102,3	87,4
	Sản lượng tiêu thụ (triệu tấn)	1,91	7,33	7,33	0,60	2,06	28,0	28,0	107,4
	Tỷ trọng xăng/tổng sp bán ra (%)	39,9%	39,8%	39,8%	44,0%	40,5%	101,8	101,8	101,6
b	Thu từ các DN còn lại	241.196	1.160.000	1.160.000	110.893	365.927	31,5	31,5	151,7
2	DNNN địa phương	42.863	124.000	124.000	5.962	42.645	34,4	34,4	99,5
3	DN có vốn ĐTNN	683.322	1.200.000	1.200.000	59.628	265.470	22,1	22,1	38,8
4	Xổ số kiến thiết	91.263	277.000	277.000	30.928	94.441	34,1	34,1	103,5
5	Thuế Ngoài quốc doanh	1.643.256	5.755.000	5.755.000	340.186	1.518.682	26,4	26,4	92,4
a	Thu từ tổ chức, DN	1.605.912	5.612.000	5.612.000	333.794	1.487.414	26,5	26,5	92,6
	Thu từ Công ty bia Sài Gòn	478.275	1.922.000	1.922.000	89.320	403.470	21,0	21,0	84,4
	Sản lượng bia Sài Gòn (triệu lít)	39,7	159,0	159,0	7,2	36,5	22,9	22,9	91,9
	Thu từ Công ty CP Đường	138.855	450.000	450.000	44.316	149.570	33,2	33,2	107,7
	Sản lượng bia Dung Quất (triệu lít)	8,9	48,0	48,0	4,0	12,5	26,1	26,1	140,4
	Thu từ Công ty Thép Hòa Phát	302.696	597.000	597.000	200	25.515	4,3	4,3	8,4
	Các DN còn lại	686.086	2.643.000	2.643.000	199.958	908.859	34,4	34,4	132,5
b	Thu từ hộ, cá nhân	37.344	143.000	143.000	6.392	31.268	21,9	21,9	83,7
6	Thuế thu nhập cá nhân	362.547	936.000	936.000	110.130	356.426	38,1	38,1	98,3
7	Thuế SDD nông nghiệp	0	300	300	0	0	0,0	0,0	57,7
8	Thu tiền sử dụng đất	168.832	3.100.000	3.328.000	81.030	220.341	7,1	6,6	130,5
9	Thuế SDD phi NN	2.059	23.500	23.500	610	1.690	7,2	7,2	82,1
10	Tiền thuê đất, mặt nước	9.183	1.120.000	1.120.000	1.750	4.541	0,4	0,4	49,5
11	Bán, thuê nhà SHNN	40	200	200	0	24	11,8	11,8	58,8
12	Thuế bảo vệ môi trường	163.223	715.000	715.000	67.430	209.260	29,3	29,3	128,2
13	Lệ phí trước bạ	80.567	415.000	415.000	23.085	103.098	24,8	24,8	128,0
14	Phí - lệ phí	81.709	323.000	323.000	20.355	64.989	20,1	20,1	79,5
15	Thu cấp quyền KTKS	51.274	211.000	211.000	42.030	43.456	20,6	20,6	84,8
16	Thu khác ngân sách	97.812	436.000	436.000	15.510	93.826	21,5	21,5	95,9
17	Thu hoa lợi, đất công ích, công sản	1.223	18.000	18.000	550	550	3,1	3,1	45,0
18	Cổ tức, lợi nhuận DNNN ĐP	4.924	10.000	10.000	767	3.138	31,4	31,4	63,7

Đã kiểm tra